

CÁC BIỆN PHÁP TẠO ĐỘNG LỰC HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Nguyễn Văn Hậu

Trường Đại học Kiên Giang

Email: nvhau@vnkgu.edu.vn.

Tóm tắt: Môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP&AN) giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục đại học Việt Nam, góp phần hình thành phẩm chất, năng lực công dân, ý thức trách nhiệm, tinh thần kỷ luật và khả năng sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc của SV. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy động lực học tập của SV đối với môn học này còn hạn chế, chịu tác động bởi nhận thức, hứng thú, phương pháp giảng dạy, điều kiện học tập và đặc điểm của thể hệ học sinh - SV thời kỳ số hóa. Bài báo phân tích cơ sở lý luận về động lực học tập, đánh giá thực trạng động lực học tập môn GDQP&AN của SV, xác định các nhóm yếu tố ảnh hưởng, đồng thời đề xuất hệ thống biện pháp tăng cường động lực học tập. Những biện pháp này hướng đến đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, tăng tính trải nghiệm, kết nối môn học với nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ số, cải thiện môi trường rèn luyện và xây dựng động cơ học tập bền vững cho SV.

Từ khóa: Động lực học tập, giáo dục quốc phòng và an ninh, SV đại học, Trường Đại học Kiên Giang, phương pháp giảng dạy, đổi mới giáo dục.

Nhận bài: 20/01/2026; Biên tập: 21/01/2026; Phản biện: 26/01/2026; Duyệt đăng: 02/02/2026.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực đang có nhiều biến động phức tạp, yêu cầu giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội đặt ra những nhiệm vụ ngày càng cao đối với toàn dân, đặc biệt là thế hệ trẻ - lực lượng kế cận và nòng cốt của đất nước trong tương lai.

GDQP&AN là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, nhằm trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kỹ năng quân sự cần thiết, góp phần hình thành ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc học tập môn học GDQP&AN hiện nay ở một số cơ sở giáo dục đại học vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế: SV chưa thật sự quan tâm, động lực học tập chưa cao, phương pháp giảng dạy còn đơn điệu, thiếu sự gắn kết với thực tiễn.

Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ cả phía người học, người dạy và môi trường giáo dục. Trong đó, việc thiếu động lực học tập đóng vai trò trung tâm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tiếp thu kiến thức và hiệu quả giáo dục.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu nội dung và đề xuất các biện pháp tạo động lực học tập môn học GDQP&AN cho SV là yêu cầu cấp thiết, góp phần đổi mới công tác giáo dục, nâng cao nhận thức và xây dựng thể hệ SV toàn diện cả về tri thức chuyên môn lẫn trách nhiệm với đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về động lực học tập

Động lực học tập được hiểu là tổng hòa những yếu tố bên trong và bên ngoài thúc đẩy SV tham gia tích cực vào quá trình học tập, rèn luyện và đạt được mục tiêu giáo dục. Đây không chỉ là sự hứng

thú nhất thời mà là trạng thái tâm lý ổn định bao gồm nhu cầu nhận thức, mong muốn phát triển bản thân, niềm tin vào giá trị của môn học và sự kỳ vọng về kết quả đạt được. Động lực học tập trong môn học GDQP&AN còn thể hiện qua thái độ tự giác, tinh thần kỷ luật, khả năng nỗ lực vượt qua khó khăn trong điều kiện huấn luyện đặc thù. Khi SV có động lực, họ sẽ học tập với tinh thần chủ động, sẵn sàng tiếp thu kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng thực hành và tham gia các hoạt động quân sự - an ninh một cách nghiêm túc, hiệu quả.

Động lực học tập giữ vị trí trung tâm trong toàn bộ quá trình tiếp nhận và rèn luyện các nội dung của môn học GDQP&AN. Khi SV có động lực mạnh, quá trình học tập không chỉ diễn ra tự nhiên hơn mà còn đạt hiệu quả cao hơn về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ. Cụ thể:

- Thúc đẩy sự chủ động và tinh thần trách nhiệm: Động lực mạnh khiến SV không chỉ tham gia học tập vì nghĩa vụ bắt buộc mà còn xuất phát từ mong muốn phát triển bản thân. Khi đó, SV chủ động đọc trước tài liệu, tham gia trao đổi với giảng viên (GV), chuẩn bị tốt cho các nội dung thực hành và không ngại khó trong quá trình rèn luyện quân sự. Đồng thời, họ có ý thức cao hơn trong việc tuân thủ quy định, đảm nhiệm đầy đủ nhiệm vụ được giao trong tiểu đội, trung đội. Điều này góp phần tạo nên một môi trường học tập kỷ luật, hiệu quả và mang tính đồng đội cao.

- Cải thiện khả năng ghi nhớ và xử lý thông tin: Khi SV có động lực học tập rõ ràng, họ duy trì được mức độ tập trung cao, từ đó nâng cao chất lượng tiếp nhận kiến thức. Các khái niệm quân sự, chiến thuật, điều lệnh hay cấu tạo vũ khí - vốn dễ gây khô khan - trở nên dễ ghi nhớ hơn nhờ sự chú ý liên tục và sự chủ động tìm hiểu. Động lực còn giúp SV xử lý thông tin nhanh hơn trong các tình huống giả

định, mô phỏng chiến thuật hoặc khi thực hiện thao tác kỹ thuật cần độ chính xác cao. Nhờ vậy, hiệu quả ghi nhớ dài hạn và khả năng vận dụng kiến thức vào thực hành được cải thiện đáng kể.

- Tăng hiệu quả trong các hoạt động thực hành quân sự: Động lực học tập không chỉ tạo ra sự hứng thú mà còn nâng cao chất lượng và hiệu quả của mọi nội dung thực hành trong môn học GDQP&AN. Khi SV có động lực rõ ràng, họ sẵn sàng tham gia các bài tập quân sự với tinh thần tập trung cao độ, từ đó giúp cải thiện độ chính xác của từng thao tác kỹ thuật. Cụ thể, trong các nội dung như điều lệnh đội ngũ, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, các tư thế - động tác vận động trên chiến trường, hay kỹ thuật nguy trang, SV sẽ chủ động tìm cách điều chỉnh động tác cho đúng chuẩn, luyện tập nhiều hơn và hợp tác chặt chẽ với đồng đội.

Động lực mạnh cũng làm tăng khả năng chịu đựng áp lực thể lực và tâm lý, giúp SV bền bỉ hơn trong quá trình hành quân dã ngoại, rèn luyện bắn bài chiến đấu hoặc tham gia các bài tập tình huống mô phỏng. Nhờ sự chủ động này, SV nắm bắt nhanh quy trình thực hành, phản xạ linh hoạt trong xử lý tình huống bất ngờ và phát huy được hiệu quả làm việc nhóm. Ngoài ra, động lực còn giúp SV duy trì tinh thần quyết tâm, khắc phục khó khăn, từ đó hình thành khả năng thực hiện nhiệm vụ quân sự một cách tự tin, chính xác và nhanh nhẹn hơn. Điều này không chỉ nâng cao kết quả học tập mà còn hình thành ở SV phong thái tự tin, bản lĩnh và trách nhiệm khi tham gia các nhiệm vụ mang tính quân sự.

- Hình thành phẩm chất kỷ luật và tác phong quân sự: Động lực học tập tạo điều kiện để SV tiếp nhận và tuân thủ các quy định trong môi trường quân sự một cách tự giác hơn. Khi có động lực, SV không chỉ chấp hành mệnh lệnh, giờ giấc, điều lệnh một cách bắt buộc, mà còn hiểu ý nghĩa của kỷ luật đối với hiệu quả huấn luyện và sự an toàn của tập thể. Thông qua hoạt động xếp hàng, đội ngũ, quản lý trang bị, giữ gìn tác phong quân nhân và tuân thủ chế độ ngày - tuần, SV hình thành tác phong nhanh nhẹn, gọn gàng, nghiêm túc và chuẩn mực. Đây là những phẩm chất có ảnh hưởng lâu dài đến thói quen làm việc và ứng xử trong môi trường chuyên nghiệp, giúp SV trở nên bản lĩnh, trách nhiệm và có khả năng làm việc trong tập thể có tổ chức cao.

- Giảm áp lực tâm lý, tạo thái độ học tập tích cực: Trong môi trường GDQP&AN, SV thường phải đối mặt với những áp lực đặc thù như lịch học tập trung, cường độ rèn luyện cao, yêu cầu kỷ luật nghiêm ngặt và hoạt động thực hành đòi hỏi thể lực. Khi thiếu động lực, những yếu tố này dễ trở thành gánh nặng tâm lý, khiến SV cảm thấy mệt mỏi, lo lắng hoặc học tập đối phó. Ngược lại, khi SV có động lực rõ ràng - dù đến từ mục tiêu cá nhân, sự hứng thú với môn học hay nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của GDQP&AN - họ sẽ xem các thử thách này như cơ hội rèn luyện, thay vì áp lực.

Động lực giúp SV duy trì trạng thái tinh thần ổn định, giảm lo lắng trước các bài kiểm tra thực hành, chủ động thích nghi với các quy định sinh hoạt quân sự và tìm thấy niềm vui trong những hoạt động mang tính tập thể. Việc cảm nhận được thành tựu sau mỗi buổi huấn luyện, hoặc tiến bộ trong kỹ năng điều lệnh, bắn súng, hay chiến thuật, góp phần tạo ra sự hài lòng và thái độ học tập tích cực. Từ đó, SV không chỉ giảm căng thẳng mà còn xây dựng được tinh thần lạc quan, bền bỉ và tự tin hơn trong suốt quá trình học tập.

2.2. Thực trạng động lực học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh

Mặc dù môn học GDQP&AN có vai trò, vị trí rất quan trọng. Nhưng chúng ta đặt câu hỏi vì sao môn học này lại chưa thực sự lôi cuốn được SV? Nghiên cứu nhìn nhận lại, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan từ hai phía người dạy, người học, chất lượng dạy và học môn học GDQP&AN trong nhà trường hiện nay còn bị xem nhẹ, chưa được đầu tư đúng mức, nên không thể phát huy hết nhiệm vụ, chức năng đối với xã hội. Thực tế, khi tâm sự trao đổi với một số không ít SV thì đa số đều cho rằng họ đang gặp phải một số khó khăn khi học môn học này và những khó khăn này là nhân tố tác động đến động lực học tập của họ như:

- SV chưa hiểu rõ kiến thức GDQP&AN không chỉ phục vụ cho quốc phòng, mà còn giúp trang bị kỹ năng sống, ứng phó với tình huống khẩn cấp, nâng cao ý thức công dân trong bảo vệ an ninh trật tự. Trong môi trường học thuật và xã hội hiện đại, các môn học về kỹ thuật, công nghệ, kinh tế... thường được đề cao hơn, khiến môn GDQP&AN bị coi là "không cần thiết" hoặc "lỗi thời". SV thường không được tiếp cận các thông tin mới về tình hình an ninh phi truyền thống (an ninh mạng, khủng bố, chiến tranh công nghệ cao...), nên không thấy được tính cấp thiết của việc học môn này. Nhiều SV chưa nhận thức rõ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mọi công dân đều có vai trò, không phân biệt ngành nghề hay giới tính. Học GDQP&AN không chỉ là nhiệm vụ học tập, mà còn là một phần của trách nhiệm công dân.

- Về nội dung môn học, SV cho rằng nội dung chưa phù hợp, các nội dung môn học GDQP&AN không thực tế, không như nhu cầu, không hợp với ngành mình theo học; chương trình học tập còn mang tính lý luận nhiều, trừu tượng gò ép cao, thiếu thực tiễn,... Trong khi đó, SV lại cho rằng họ cần nhiều hơn những kiến thức thực tế, cần có các kỹ năng để có thể đánh giá vấn đề xã hội liên quan đến nội dung môn học, kỹ năng vận dụng lý thuyết cũng như nội dung thực hành quân sự của môn học một cách hiệu quả vào đời sống...

- Phương pháp giảng dạy cũng là một khó khăn trở ngại trong quá trình học tập của SV. Phương pháp giảng dạy hiện nay chưa thực sự đổi mới và còn rập khuôn, mặc dù công nghệ thông tin đã được ứng dụng vào giảng dạy như: hệ thống bài

giảng điện tử đã được xây dựng, có sử dụng các thiết bị công nghệ để truyền đạt nội dung,... nhưng vẫn không thể thoát khỏi phương pháp truyền thống, vẫn còn theo lối mòn cũ. Cơ bản GV trình bày nội dung, SV nghe và ghi chép, thiếu tính giao lưu tri thức, gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề,... Vì vậy, buổi học còn khá đơn điệu và thụ động. Chính phương pháp giảng dạy không phù hợp đã làm cho nội dung học sinh cho là “khô khan” thì nay càng trở nên cứng nhắc hơn.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy - học tập còn thiếu như phòng học lý thuyết chưa hiện đại, hệ thống âm thanh, trình chiếu, máy chiếu, bảng tương tác còn thiếu hoặc chất lượng kém, không hỗ trợ tốt cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng công nghệ hóa - trực quan hóa. Muốn thực hiện nghiên cứu thì tài liệu tham khảo là rất cần thiết, nhưng vì nội dung khá đặc thù, liên quan nhiều lĩnh vực mà nguồn tài liệu ở nhà trường thì có giới hạn nên hiện nay GV và SV còn khá rụt rè, chưa mạnh dạn trong thực hiện nghiên cứu đây cũng chính là yếu tố làm cho nội dung môn học ít có sự mới mẻ. Chính vì những lý do nêu trên đã làm cho môn học trở nên thiếu hấp dẫn, khô khan, người học không thiết tha với môn học; thái độ học tập không tích cực; mục đích học môn học GDQP&AN chỉ dừng lại ở mức đủ điểm để hoàn thành môn học vì nó là điều kiện để tốt nghiệp và cảm thấy không có động lực học tập môn học GDQP&AN.

Chính vì những lý do nêu trên đã làm cho môn học trở nên thiếu hấp dẫn, khô khan, người học không thiết tha với môn học; thái độ học tập không tích cực; mục đích học môn học quốc phòng và an ninh chỉ dừng lại ở mức đủ điểm để hoàn thành môn học vì nó là điều kiện để tốt nghiệp và cảm thấy không có động lực học tập môn GDQP&AN.

Câu hỏi đặt ra để tạo động lực cho SV trong việc học tập môn GDQP&AN là chúng ta cần phải làm gì? Thực tế câu hỏi này đặt ra phải được nhiều nhà chức trách trả lời bằng những chủ trương, chính sách cụ thể. Quán triệt nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học”; việc đổi mới công tác Giáo dục Quốc phòng và An ninh cho học sinh, SV theo tinh thần Nghị quyết 29 -NQ/TW.

2.3. Nội dung và giải pháp tạo động lực học tập môn học GDQP&AN cho SV trường đại học Kiên Giang

2.3.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, trách nhiệm đối với môn học cũng như giúp SV thấy những lợi ích mà môn học đem lại.

Để tạo động lực học tập cho SV, trước hết cần làm cho SV nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa, trách nhiệm và giá trị thiết thực của môn học GDQP&AN. Khi SV hiểu được “vì sao cần học”, họ sẽ tự động có thái độ học tập nghiêm túc và tích

cực hơn. Cần giúp SV thấy được rằng, trong bối cảnh đất nước đang đối mặt với nhiều thách thức về an ninh truyền thống và phi truyền thống (chiến tranh mạng, khủng bố, xung đột biển đảo...), việc trang bị kiến thức quốc phòng - an ninh là cần thiết đối với mọi công dân, không chỉ những người làm trong quân đội hay ngành an ninh. Trách nhiệm của SV là lực lượng trí thức trẻ tương lai của đất nước, có trách nhiệm góp phần bảo vệ Tổ quốc. Việc học tập môn học GDQP&AN không chỉ vì cá nhân mà còn vì cộng đồng, vì quốc gia. Trong quá trình hội nhập quốc tế, việc hiểu biết và sẵn sàng bảo vệ chủ quyền, an ninh, lợi ích quốc gia là điều kiện cần của một công dân có trách nhiệm.

GDQP&AN không chỉ dạy về chiến thuật quân sự mà còn giúp SV biết cách ứng phó với các tình huống khẩn cấp như thiên tai, cháy nổ, sơ cứu người bị thương, giữ vững trật tự trong cộng đồng. Môn học giúp SV rèn luyện tính kỷ luật, tinh thần tổ chức, khả năng làm việc nhóm và ý chí vượt khó - những kỹ năng rất cần thiết trong công việc và cuộc sống, có lập trường tư tưởng rõ ràng, biết phân biệt đúng - sai, thật - giả trên không gian mạng và trong các vấn đề xã hội phức tạp. Một số ngành nghề, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, quản lý nhà nước... đánh giá cao những SV có nền tảng kiến thức GDQP&AN tốt.

2.3.2. Cập nhật, đổi mới và hoàn thiện nội dung môn học GDQP&AN cho phù hợp với thực tiễn trong tình hình mới

Trước tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột, chiến tranh công nghệ cao, an ninh phi truyền thống. Các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, chiến tranh mạng, tuyên truyền sai lệch nhằm tác động tới tư tưởng, niềm tin của thế hệ trẻ. Yêu cầu xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa” đặt ra nhiệm vụ mới cho công tác GDQP&AN trong nhà trường.

Bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về quốc phòng - an ninh trong giai đoạn mới. Cập nhật các thách thức an ninh phi truyền thống như chiến tranh mạng, an ninh mạng, bảo mật thông tin, phòng chống khủng bố, bạo loạn, ly khai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu, thảm họa thiên tai. Điều chỉnh nội dung quân sự như tinh gọn nhưng thiết thực, chú trọng kỹ năng thực hành như bắn súng, điều lệnh, kỹ thuật - chiến thuật cá nhân. Bổ sung tình huống thực tiễn như tranh chấp chủ quyền biển đảo, bảo vệ biên giới, ứng phó với “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến, tự chuyển hóa”. Nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ và xây dựng lớp SV có tri thức, có trách nhiệm, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

2.3.3. Đổi mới phương pháp và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy

Phương pháp và hình thức tổ chức giảng dạy môn học GDQP&AN là cách thức phối hợp giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động học của SV, đồng thời là cách thức tổ chức tiến hành các buổi học. Đây là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định trong việc chuyển tải nội dung môn học đến với SV nhằm thực hiện các mục tiêu dạy học.

Để phát huy được tính chủ động, sáng tạo, tích cực học tập của SV thì GV phải có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng giảng dạy, phải luôn tiếp thu, nghiên cứu về tri thức và phương pháp giảng dạy mới, phải luôn lấy người học làm trung tâm của việc giảng dạy.

Trên lớp học GV phải có phương pháp kích thích được tính chủ động, tích cực đóng góp xây dựng bài của SV, phải biến giờ học trên lớp không còn là một giờ học đơn thuần, GV nói SV nghe, ghi chép mà lớp học phải trở thành một buổi đối thoại, giao lưu tri thức giữa người dạy và người học, lớp học là môi trường thuận lợi để SV có điều kiện tham gia ý kiến, trình bày tham luận, thuyết trình những vấn đề nhận thức mà mình được nghiên cứu kết hợp với vấn đề thực tiễn mình đang đối mặt.

Đổi mới không có nghĩa là chúng ta bỏ đi phương pháp truyền thống, phương pháp truyền thống vẫn là nền tảng, chúng ta nên biết vận dụng, kết hợp nhuần nhuyễn giữa cái cũ và cái mới cho phù hợp. Chẳng hạn như sử dụng cách thức thuyết trình, đàm thoại của phương pháp truyền thống kèm theo đó là sử dụng dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, định hướng nghiên cứu, sử dụng các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo và chú trọng các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn. Đồng thời, để góp phần tạo sự thành công trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy thì một việc không thể thiếu đó là phải xây dựng nội dung bài giảng, giáo án phải thật sinh động, gắn lý luận với thực tiễn có minh họa, minh chứng bằng hình ảnh, phim ảnh.

Từ những điều việc làm cụ thể đó sẽ giúp gợi lên niềm say mê hứng thú đối với người học, làm cho người học tự nguyện, tự giác đến với lớp học, có thái độ học tập tích cực hơn, có động lực học tập và quan trọng nhất là người học có thể thấu hiểu, thông suốt được nội dung môn học, nâng cao kiến thức cá nhân như thế chất lượng được đảm bảo và ngày càng được nâng cao. Ngoài ra, để thành công đạt mức cao nhất thì cần phải có một sự hỗ trợ, đồng tình ủng hộ của lãnh đạo, cần có sự thay đổi một cách đồng bộ và có hệ thống từ khâu tổ chức lớp học, khâu phân bố thời lượng phải thật hợp lý; đến khâu cung cấp tài liệu nghiên cứu cho SV. Với ý nghĩa đó nhà trường phải tạo điều kiện cho GV được tập huấn phương pháp giảng dạy mới để GV có điều kiện tốt hơn nữa cho việc vận dụng một cách khoa học phương pháp giảng dạy mới vào trong quá trình giảng dạy.

2.3.4. Bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất và khai thác có hiệu quả trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập môn GDQP&AN

Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, học liệu, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị dạy - học, Nhà trường đã chủ động khai thác, huy động các nguồn lực khác để đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học, cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, giảng đường, thao trường, bãi tập. Đến nay Nhà trường được đầu tư, trang bị cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, như: nơi ăn ở, sinh hoạt, khu vui chơi, giải trí, sân chơi thể thao, thư viện; hệ thống giảng đường, thao trường, bãi tập chưa đạt chuẩn, phòng học chuyên dùng thiếu các thiết bị phục vụ dạy - học, mô hình, học cụ còn ít,...điều đó đã và đang tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả GDQP&AN cũng như khả năng hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường. Đồng thời, nên thường xuyên tổ chức đào tạo, hướng dẫn, tập huấn về kỹ năng quản lý, khai thác, sử dụng các trang thiết bị công nghệ thông tin, nhất là công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, cũng như cập nhật những công nghệ mới cho cán bộ, GV, SV để họ không bị "tụt hậu" trong cuộc đua khoa học công nghệ hiện nay.

Trong xây dựng cơ sở vật chất, tài liệu phục vụ cho hoạt động GDQP&AN cần chú trọng phát triển hệ thống sách điện tử, phòng bán mô phỏng, mô hình thiết kế 3D, kho dữ liệu số để đồng bộ với hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu khai thác cơ sở dữ liệu, sách điện tử cho người học, ngoài những công cụ mạnh hiện đang sử dụng và phát huy tác dụng như internet, truyền hình, phát thanh, báo chí,... cũng cần quan tâm xây dựng và phát huy tác dụng của các mạng xã hội như Facebook, Zalo,... để vừa bảo đảm tính đa dạng trong công cụ tuyên truyền, vừa tranh thủ được sức mạnh lan tỏa của các mạng xã hội hiện đang rất thịnh hành, phát triển ở cả trong và ngoài nước.

2.3.5. Xây dựng tính tự giác học tập cho SV

Tính tự giác được thể hiện ở chỗ người học ý thức đầy đủ về mục đích, nhiệm vụ học tập, nghiên cứu, qua đó nỗ lực nắm vững tri thức trong quá trình lĩnh hội. Tự học không những giúp SV đào sâu, nắm vững kiến thức đã học trên lớp; mở rộng, cập nhật những kiến thức mới; mà còn giúp SV hình thành kỹ năng học tập; bồi dưỡng hứng thú học tập; đặc biệt tự học là công cụ giúp SV học tập suốt đời. Vấn đề đặt ra là: người dạy phải làm sao, bằng biện pháp nào, phải thực hiện những nội dung gì để kích thích được tính tự giác của SV trong quá trình học tập; làm sao việc được nghe giảng trên lớp phải thực sự trở thành nhu cầu bức thiết của người học, phải giúp người học xác định được mục tiêu của việc học là gì. Theo UNESCO (1996) các mục tiêu trụ cột của việc học trong thời đại ngày nay là "học để biết, học để làm, học để chung sống với nhau và học để tồn tại". Để nâng cao nhận thức, tính tự giác của người học thì GV cần thực hiện các nội dung sau:

- Giúp SV hiểu được vị trí vai trò và ý nghĩa của tự học, các hoạt động tự học, cũng như các yêu cầu của việc tự học đối với bộ môn học GDQP&AN

trong buổi đầu khi giới thiệu môn học đồng thời cần chuyển cho SV đề cương chi tiết môn học để người học tiện theo dõi.

- Nội dung truyền đạt, phương pháp giảng dạy phải phù hợp với tính đặc thù của đối tượng SV theo các ngành học vì mỗi ngành nghề SV sẽ có tính cách, đặc điểm, nhận thức, phương pháp học tập khác nhau. Bản thân GV phải không ngừng trau dồi kiến thức cả về lý luận lẫn thực tiễn của nhiều lĩnh vực, giỏi chuyên môn và kiến thức xã hội mới có thể truyền đạt nội dung phù hợp với từng ngành.

- GV phải là người giữ vai trò khơi gợi, định hướng cho SV học tập, nghiên cứu những vấn đề mà họ đang quan tâm, từ đó SV có thể tự rèn luyện được khả năng tư duy, sáng tạo; thói quen tự học, tự tìm hiểu và trang bị kiến thức cho bản thân. Đây là yếu tố quyết định chất lượng học tập, chất lượng đào tạo.

2.3.6. Nâng cao chất lượng đội ngũ GV

Từ kinh nghiệm thực tiễn của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến cho thấy, mọi cuộc cải cách nâng cao chất lượng giáo dục đều khởi nguồn và giành thắng lợi từ đội ngũ GV. Xuyên suốt công cuộc đổi mới giáo dục, Đảng ta luôn khẳng định đội ngũ GV là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo.

Với tư cách người trực tiếp giảng dạy và quản lý công tác GDQP&AN cho SV, GV vừa là người thiết kế nội dung, vừa là người tổ chức, định hướng, hướng dẫn trong toàn bộ quá trình học tập, rèn luyện, vừa là người kiểm tra đánh giá kết quả toàn diện của SV. Chất lượng huấn luyện phụ thuộc phần lớn vào tài nghệ sư phạm của GV, đòi hỏi GV phải có kiến thức sâu rộng và vận dụng các phương pháp huấn luyện thực hành cơ bản một cách thành thực, linh hoạt, sáng tạo mới làm cho SV nắm chắc, hiểu sâu và vận dụng tốt các bài học thực hành vào thực tiễn. Bên cạnh đó GDQP&AN là môn học có tính đặc thù cả về nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp tiến hành,... đặc biệt là phải đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Vì vậy, nâng cao chất lượng của đội ngũ GV không chỉ là một nhiệm vụ cấp bách, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược của nhà trường và còn phản ánh xu thế tất yếu của sự nghiệp giáo dục.

Để đội ngũ GV GDQP&AN ngày càng đáp ứng tốt yêu cầu, nhà trường cần quán triệt và thực hiện tốt một số vấn đề sau:

- Tiếp tục giáo dục quán triệt sâu sắc nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ GV nhận thức đúng đắn và hiểu rõ ý nghĩa tầm quan trọng của môn học, thấy được vinh dự và trách nhiệm của mình trong công cuộc đổi mới đất nước. Góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân thực hiện thắng lợi chiến lược bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới theo quan điểm của Đảng.

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn thông qua các đợt tập huấn của Vụ GDQP&AN, để tiếp thu những kiến thức mới, tổ chức phương pháp huấn

luyện, làm cơ sở cho đội ngũ GV nghiên cứu vận dụng trong quá trình huấn luyện đạt hiệu quả cao. Lựa chọn các chuyên đề tập huấn phải căn cứ vào tình hình thực tế và trình độ năng lực giảng dạy của đội ngũ GV còn yếu, còn thiếu, những nội dung còn chưa thống nhất, hiệu quả trên thực tế còn thấp để bổ sung cho hoàn thiện, bảo đảm tính cơ bản, thiết thực đáp ứng yêu cầu đặt ra.

- Tổ chức nghiêm túc kế hoạch hoạt động phương pháp của nhà trường để bồi dưỡng về trình độ năng lực huấn luyện cho đội ngũ GV một cách thường xuyên. Hàng tháng, khoa, tổ bộ môn phải có kế hoạch hoạt động phương pháp cụ thể để trực tiếp bồi dưỡng về tổ chức và phương pháp huấn luyện cho GV như soạn thảo bài giảng, kế hoạch giảng bài; tổ chức thông qua bài, xây dựng bài giảng mẫu; hướng dẫn GV nghiên cứu viết chuyên đề, đề tài khoa học về tổ chức và phương pháp huấn luyện thực hành của bộ môn..., nhằm không ngừng nâng cao trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cho GV, tạo điều kiện cho GV phát huy những mặt mạnh của mình và kịp thời khắc phục những thiếu sót, nhược điểm về vận dụng phương pháp trong quá trình huấn luyện.

- Thường xuyên có công tác kiểm tra, kịp thời rút kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy. Ở từng khóa học tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV, kịp thời điều chỉnh những thiếu sót, chưa phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, năng lực tổ chức và thực hiện nhiệm vụ GDQP&AN. Thực hiện tốt phương châm "mỗi GV thực sự là tấm gương sáng trong nhận thức và hành động để SV noi theo" qua đó tạo được sự thuyết phục, niềm tin cho người học.

2.3.7. Đổi mới kiểm tra đánh giá hoạt động huấn luyện

Thi, kiểm tra đánh giá kết quả là một khâu rất quan trọng của quá trình dạy học. Vì vậy nội dung phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả sẽ có tác động to lớn, trực tiếp đến tất cả các khâu, các bước, các thành tố của quá trình dạy học. Kết quả thi, kiểm tra là sản phẩm của quá trình dạy - học mà trước hết là kết quả trực tiếp của quá trình tổ chức huấn luyện và luyện tập.

Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học là điều kiện quan trọng để tiến hành đổi mới nội dung phương pháp ôn, thi, kiểm tra đánh giá kết quả và ngược lại đổi mới nội dung, phương pháp ôn, thi, kiểm tra và đánh giá kết quả là động lực để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học. Nội dung, phương pháp ôn, thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của SV không chỉ đơn thuần là yêu cầu SV tái hiện đầy đủ kiến thức đã học có trong tài liệu, giáo trình, mà còn kiểm tra để đánh giá khả năng vận dụng linh hoạt các kiến thức đó vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra; kỹ năng về sử dụng vũ khí trang bị, thuần thực về các động tác bắn, ném lựu đạn và khả năng diễn đạt, trình bày những nội dung để đáp ứng với yêu cầu huấn luyện và chiến đấu sau này.

Phương pháp thi, kiểm tra các nội dung quân sự tập trung lựa chọn phương pháp thi thực hành để đánh giá các kỹ năng, kỹ xảo đạt được của SV trong huấn luyện. Để tiến hành thi, kiểm tra GV phải xác định rõ ý định kiểm tra gồm: mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, thời gian, địa điểm, vật chất bảo đảm, người phục vụ..., báo cáo cấp trên phê chuẩn. Mặt khác, GV phải xác định rõ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thi, kiểm tra một cách cụ thể, tỉ mỉ để bảo đảm sự thống nhất, công bằng, khách quan, chính xác, khi đánh giá kết quả thực hành kỹ thuật của SV.

Như vậy, nội dung phương pháp tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả rất toàn diện bao gồm cả yêu cầu về tri thức, kỹ năng thực hành. Nội dung thi, kiểm tra phải bao quát được toàn bộ khối lượng kiến thức đã học, đánh giá kết quả bảo đảm khách quan, trung thực, công khai và minh bạch. Thông qua đó giúp người dạy phải thay đổi nội dung phương pháp dạy cho phù hợp và SV cũng phải thay đổi cách học để phát huy khả năng độc lập, tư duy, sáng tạo, không còn hiện tượng “học tủ”, “học vẹt”. Việc đổi mới thi, kiểm tra đánh giá kết quả không chỉ tác động tích cực cho việc đổi mới phương pháp dạy học mà còn khiến SV phải đổi mới cả cách học nhằm phát huy tích cực, tự giác, chủ động sáng tạo trong quá trình học tập.

3. Kết luận

Môn học GDQP&AN giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng cho SV lòng yêu nước, bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm công dân và kỹ năng cần thiết để tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Trong tình hình mới, việc không ngừng cập nhật, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, gắn lý thuyết với thực hành, tăng cường hoạt động ngoại khóa và bảo đảm cơ sở vật chất sẽ góp phần nâng cao chất lượng môn học.

Tạo động lực học tập cho SV không chỉ dừng lại ở việc nâng cao nhận thức, mà còn phải gắn

với đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, tăng cường hoạt động thực hành - ngoại khóa, xây dựng môi trường học tập hấp dẫn và kỷ luật, đồng thời có chính sách khuyến khích, khen thưởng kịp thời. Thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ giúp SV học tập hứng thú, tích cực, biến kiến thức GDQP&AN trở thành hành trang thực tiễn, góp phần hình thành lớp trẻ có tri thức, bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- [2]. *Luật Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Nghị định 13/2014/NĐ-CP, ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục Quốc phòng và An ninh.*
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*
- [4]. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2025). *Thông tư liên tịch 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH, quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học.*
- [5]. Trần Ngọc Bích (2019). *Tâm lý học động lực học tập của SV*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6]. Lê Minh Đức, Phạm Thị Thu (2020). *Động lực học tập của SV và các yếu tố ảnh hưởng*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, 16(3).
- [7]. Nguyễn Đức Sơn (2021). *Nâng cao động lực học tập của SV ở các trường đại học*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8]. Lê Thị Thu Hà (2020). *Nhận thức và thái độ của SV đối với môn GDQP&AN*. Tạp chí Tâm lý học và Giáo dục.

Measures to create motivation studying National Defense and Security Education for students of Kien Giang University

Nguyen Van Hau

Kien Giang University - Email: nvhau@vnkgu.edu.vn.

Abstract: The subject of National Defense and Security Education plays a particularly important role in Vietnamese higher education, contributing to the formation of students' qualities, civic capacity, sense of responsibility, discipline and readiness to defend the Fatherland. However, in practice, students' motivation to study this subject is still limited, affected by awareness, interest, teaching methods, learning conditions and the characteristics of the generation of students in the digital age. This article analyzes the theoretical basis of learning motivation, assesses the current status of students' motivation to study the subject, identifies groups of influencing factors, and proposes a system of measures to enhance learning motivation. These measures aim to innovate teaching methods and content, increase experience, connect the subject with careers, apply digital technology, improve the training environment and build sustainable learning motivation for students.

Keywords: Learning motivation, National Defense and Security Education, university students, Kien Giang University, teaching methods, educational innovation.